

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2022/DS-ST

Ngày: 13/9/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Lom;
2. Ông Nguyễn Duy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng T. Địa chỉ: số 266-268, KN, Phường X, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số 3161/2021/QĐ-CTHĐQT ngày 27/12/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng T cho ông Nguyễn Hoàng C - Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh B làm đại diện.

Ông Nguyễn Hoàng C ủy quyền cho ông Trần Việt T, sinh năm 1991 - Phó phòng Phòng giao dịch C tham gia tố tụng (ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: số nhà 197/18B khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2022, bản tự khai ngày 01/8/2022, ngày 30/8/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Việt T trình bày:

Vào ngày 27/01/2015, bên vay là bà Nguyễn Ngọc M có đề nghị với Ngân hàng T - Chi nhánh T - Phòng giao dịch C cấp thẻ tín dụng. Qua xác minh thực tế nhu cầu sử dụng và tình hình tài chính, thu nhập của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà M theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/01/2015. Loại thẻ tín dụng nội địa Family, hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng, lãi suất: 2,5%/tháng. Thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và thẻ tự động gia hạn thời gian sử dụng. Hàng tháng khách hàng phải thanh toán 05 % dư nợ đầu kỳ (chốt dư nợ đầu kỳ ngày 05 tây hàng tháng), Ngân hàng sẽ cho khách hàng 25 ngày để thanh toán (ngày 30 hàng tháng). Nếu khách hàng phát sinh trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối thiểu 80.000) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó.

Nếu khách hàng không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền thanh toán tối thiểu sau 02 kỳ chốt thông báo giao dịch cộng 10 ngày thẻ sẽ chuyển sang nợ nhóm 2. Từ thời điểm chuyển nhóm 2 nếu khách hàng không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu của 2 kỳ chốt giao dịch sau thời gian 90 ngày thì sẽ chuyển nợ nhóm 3 và chốt toàn bộ dư nợ thành vốn gốc, lãi phát sinh sau khi chuyển nhóm 3 sẽ bằng 150 % lãi trong hạn. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 143.200.000 đồng. Trong quá trình thanh toán hợp đồng từ ngày 05/3/2015 đến ngày 10/3/2022 bà M thanh toán tổng cộng 153.126.000 đồng. Tuy nhiên từ ngày 05/9/2021, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi không thanh toán đủ số tiền tối thiểu hàng tháng là 5% để duy trì sử dụng thẻ dẫn đến thẻ bị quá hạn. Thẻ tín dụng hiện đang bị quá hạn nhóm 4.

Do không thực hiện đúng theo cam kết hợp đồng nên toàn bộ các khoản nợ của khoản vay trên của bà M đã chuyển sang quá hạn. Căn cứ vào phụ lục các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng T thì bà M đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng đình chỉ các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Ngọc M phải trả cho Ngân hàng T tính đến ngày 13/9/2022 số tiền là 49.044.737 đồng trong đó tiền vốn là 34.892.417 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.152.320 đồng (tính từ ngày 05/9/2021 đến ngày 13/9/2022 với lãi suất 2,5%/tháng). Ngân hàng T tiếp tục tính lãi của Hợp đồng tín dụng từ ngày 14/9/2022 đến khi bà M trả tất nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại Điều 92 của Luật các tổ chức tín dụng. Do bà M có hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ kiện của Ngân hàng T thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Vào ngày 27/01/2015, Ngân hàng T - Chi nhánh B, Phòng giao dịch C ký hợp đồng cho bà Nguyễn Ngọc M vay số tiền 40.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Quá trình vay tiền, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng như hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà M trả cho ngân hàng số tiền là 49.044.737 đồng trong đó tiền vốn là 34.892.417 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.152.320 đồng (tính từ ngày 05/9/2021 đến ngày 13/9/2022 với lãi suất 2,5%/tháng). Ngân hàng T tiếp tục tính lãi của Hợp đồng tín dụng từ ngày 14/9/2022 đến khi bà M trả tất nợ cho ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đã làm hợp đồng vay về hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật nên bà M phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Vào các ngày 04/01/2022, ngày 07/02/2022, ngày 04/3/2022, Ngân hàng T đã ra thông báo cho bà Nguyễn Ngọc M về việc thanh toán khoản thẻ tín dụng quá hạn của bà M. Tuy nhiên, đến nay bà M vẫn chưa thanh toán số tiền nợ vay cho ngân hàng.

Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà M vắng mặt cũng không có ý kiến trước yêu cầu của Ngân hàng nên bà M phải chịu

trách nhiệm do việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự có cơ sở để buộc bà M phải trả cho Ngân hàng số tiền là 49.044.737 đồng trong đó tiền vốn là 34.892.417 đồng, tiền lãi quá hạn là 14.152.320 đồng (tính từ ngày 05/9/2021 đến ngày 13/9/2022 với lãi suất 2,5%/tháng). Ngân hàng T tiếp tục tính lãi của Hợp đồng tín dụng từ ngày 14/9/2022 đến khi bà M trả tất nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Ngân hàng T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định: 49.044.737 đồng x 5% = 2.452.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 92, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 10 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc M trả số tiền đã vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/01/2015 giữa Ngân hàng T - Chi nhánh B, Phòng giao dịch C ký với bà Nguyễn Ngọc M. Cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Ngọc M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T - Chi nhánh B, Phòng giao dịch C số tiền là 49.044.737 đồng (bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm ba mươi bảy đồng) trong đó tiền vốn là 34.892.417 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm mười bảy đồng) và tiền lãi quá

hạn là 14.152.320 đồng (mười bốn triệu một trăm năm mươi hai ngàn ba trăm hai mươi đồng) tính từ ngày 05/9/2021 đến ngày 13/9/2022 với lãi suất 2,5%/tháng.

Kể từ ngày 14/9/2022, bà Nguyễn Ngọc M còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T số tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/01/2015 giữa Ngân hàng T - Chi nhánh B, Phòng giao dịch C ký với bà Nguyễn Ngọc M cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp Ngân hàng T có điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T thì lãi suất mà bà Nguyễn Ngọc M phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Ngọc M phải nộp án phí số tiền là 2.452.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Hoàn tạm ứng án phí cho Ngân hàng T số tiền là 1.014.000 đồng (một triệu không trăm mười bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006828 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh B.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 02 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh B;
- VKSND huyện C;
- Chi cục T.H.A DS C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tuyết Nga

